

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (ĐIỀU CHỈNH)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học Thông tin – Thư viện định hướng nghiên cứu, mã số ngành: 8320201

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học Thông tin – Thư viện định hướng nghiên cứu ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Thông tin – Thư viện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
NGÀNH: KHOA HỌC THÔNG TIN – THƯ VIỆN
MÃ SỐ : 8320201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2895/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Việt: Khoa học Thông tin - Thư viện

+ Tên tiếng Anh: Library and Information Science

- Mã số ngành đào tạo: 8320201

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Khoa học Thông tin – Thư viện

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Library and Information Science

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo ra thạc sĩ có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu và rộng, làm chủ kiến thức ngành thông tin – thư viện; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực thông tin – thư viện; có khả năng truyền bá, phổ biến tri thức ngành thông tin – thư viện; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng phát hiện vấn đề, triển khai các nghiên cứu và giải quyết một cách khoa học những vấn đề trong thực tế công việc chuyên môn;

có khả năng phát triển chuyên môn ở bậc cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Khoa học Thông tin – Thư viện theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu cụ thể như sau:

- Trang bị cho người học lý thuyết và kỹ thuật nghiệp vụ cốt lõi của khoa học thông tin - thư viện hiện đại trong việc lựa chọn, thu thập, bổ sung, phát triển nguồn lực thông tin, xử lý, phân tích, tổng hợp, lưu giữ, bảo quản, tổ chức tạo dựng các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện hiện đại.

- Học viên có năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề, áp dụng các phương pháp nghiên cứu một cách linh hoạt để triển khai thành công các đề tài nghiên cứu.

- Trang bị cho học viên kiến thức công nghệ thông tin, đánh giá phần mềm quản lý cơ quan thông tin - thư viện hiện đại, lựa chọn triển khai các công nghệ hiện đại vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp.

- Trang bị cho người học đủ tự tin đảm nhiệm tốt các công việc trong các cơ quan thông tin - thư viện một cách chủ động: Có khả năng định hướng hoạt động cho tất cả các loại hình cơ quan thông tin - thư viện theo hướng hiện đại; phân tích, thiết kế hệ thống, xác định được chức năng, nhiệm vụ và xây dựng cơ cấu tổ chức, quản lý theo mô hình tự động hóa. Đủ khả năng để chia sẻ, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực chuyên môn.

- Có khả năng giảng dạy ngành khoa học thông tin – thư viện trong các trường đại học, cao đẳng, có thể học lên tiến sĩ.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển:

3.2.1. Về văn bằng

- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp từ loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực Quản lý thông tin, Thông tin – Thư viện được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và có ít nhất 1 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý thông tin, Thông tin – Thư viện.

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Về năng lực ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng được yêu cầu trình độ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ cho đến ngày ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.3. Điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Thông tin – Thư viện, Khoa học thư viện, Thông tin học, Quản lý thông tin.

- Ngành phù hợp 2:

+ Ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông, Văn thư – Lưu trữ -

Bảo tàng, Xuất bản – phát hành;

+ Ngành: Lịch sử, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Khoa học quản lý.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2:

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Thông tin học đại cương	2
2	Thư viện học đại cương	2
3	Phát triển nguồn lực thông tin	2
4	Xử lý thông tin 1	2
5	Xử lý thông tin 2	2
6	Thư viện số	2
7	Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện	2
Tổng số		14

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến 30 học viên/ 1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1. Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học

PLO 2. Thiết kế nghiên cứu và áp dụng phương pháp nghiên cứu cụ thể để phát hiện và giải quyết vấn đề một cách khoa học, triển khai đề tài và dự án nghiên cứu dưới sự dẫn dắt của người hướng dẫn.

PLO 3. Nghiên cứu nhu cầu tin của từng đối tượng người dùng tin khác nhau, đánh giá các sản phẩm và dịch vụ thông tin, phân loại và sắp xếp thông tin, hướng dẫn người dùng tìm kiếm thông tin, tổng hợp và phân tích thông tin.

PLO 4. Vận dụng các kiến thức về công nghệ, năng lực số, quản lý và pháp luật để đánh giá hệ thống thư viện tích hợp, tư vấn xây dựng thư viện số và quản trị bộ sưu tập số, tổ chức các nguồn tin truy cập mở, quản lý các cơ quan thông tin thư viện hiện đại.

PLO 5. Phân tích và đánh giá các hệ thống thông tin chuyên biệt, phản biện chính sách thông tin quốc gia.

PLO 6. Cải tiến quy trình quản lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới quy trình nghiệp vụ và áp dụng các tiêu chuẩn để hoạt động chuyên môn của đơn vị được hiệu quả hơn, sáng tạo các hoạt động truyền thông nhằm quảng bá sản phẩm và dịch vụ thư viện.

PLO 7. Đề xuất các đề án, dự án nhằm phát triển các thư viện và cơ quan thông tin; xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện dự án thành công.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

PLO 8. Hướng dẫn và tư vấn triển khai các hoạt động chuyên môn như xây dựng nguồn tin và bộ sưu tập số, xử lý thông, tổ chức và bảo quản tài liệu, sản phẩm và dịch vụ thông tin, hiện đại hóa thư viện.

PLO 9. Lựa chọn và triển khai kết quả nghiên cứu vào thực tiễn và phát triển mọi nguồn lực để tổ chức hoạt động thông tin – thư viện hiệu quả.

PLO 10. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 11. Nghiên cứu và đưa ra những sáng kiến, giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị mình công tác. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực thông tin - thư viện.

PLO 12. Xây dựng được lộ trình phát triển cho bản thân, luôn cập nhật kiến thức thông qua các hoạt động chuyên môn, tạo lập thói quen học tập suốt đời.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Làm việc trong các cơ quan thông tin, thư viện của các bộ, các ngành, các địa phương, các tổ chức chính trị xã hội và nghề nghiệp.

- Có thể làm việc tại các vị trí khác của các cơ quan khác: Công tác văn phòng, văn thư, lưu trữ tài liệu; Các nhà xuất bản; Các cơ sở giáo dục & đào tạo; Cơ quan quản lý Nhà nước; Viện nghiên cứu Khoa học và công nghệ; Các cơ quan báo chí, truyền thông; Các cơ quan quản lý văn hóa; Thống kê khoa học và công nghệ; Các cơ quan an ninh, quốc phòng...

- Có khả năng giảng dạy trong các cơ sở đào tạo đại học của ngành: trình độ đại học và cao đẳng.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tham gia học tập tiến sĩ ngành thông tin – thư viện và các ngành gần, liên ngành.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **60** tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: **9** tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **27** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 15 tín chỉ
 - + Tự chọn: 12 tín chỉ/41 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: **24** tín chỉ
 - + Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ
 - + Luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5	250	0	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese B2</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>	5	250	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		27				
II.1	Các học phần bắt buộc		15				
3	LIB6002	Thông tin học nâng cao <i>Advance Information Studies</i>	2	28	4	68	
4	LIB6044	Tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin <i>Information synthesization, analysis and evaluation</i>	2	28	4	68	
5	LIB6071	Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin - thư viện nâng cao <i>Organization and management of advanced library and information center</i>	3	42	6	102	
6	LIB6063	Tìm kiếm thông tin <i>Searching Information</i>	2	28	4	68	
7	LIB6064	Quản trị dự án thông tin - thư viện <i>Project Management in the Information and Library</i>	3	43	4	103	
8	LIB6024	Phương pháp nghiên cứu khoa học thông tin - thư viện <i>Research methods in Information and Library Science</i>	3	43	4	103	
II.2	Các học phần tự chọn		12/41				
9	LIB6065	Quản trị nguồn tài nguyên số <i>Digital Resource Management</i>	3	43	4	103	
10	LIB6080	Đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện <i>Evaluating Information Products and Services</i>	3	42	6	102	
11	LIB6043	Lý luận thư viện hiện đại <i>Model theory of library</i>	2	28	4	68	
12	LIB6005	Phân loại khoa học và phân loại	2	28	4	68	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		tài liệu <i>Scientific and documentary classification</i>					
13	LIB6011	Quản lý sự nghiệp thông tin - thư viện <i>Management of Library and Information Activities</i>	2	28	4	68	
14	LIB6013	Chuẩn hóa hoạt động thông tin - thư viện <i>Standardization of Library and Information Activities</i>	2	28	4	68	
15	LIB6122	Quản trị tri thức <i>Knowledge management</i>	2	28	4	68	
16	LIB6029	Đánh giá phần mềm quản trị thông tin-thư viện <i>Evaluation for library and information management software</i>	2	28	4	68	
17	LIB6030	Chính sách và chiến lược thông tin quốc gia <i>Policy and strategy of national information</i>	2	28	4	68	
18	LIB6031	Liên thông thư viện <i>Inter-library</i>	2	28	4	68	
19	LIB6132	Thống kê thông tin khoa học & công nghệ <i>Science-technology statistics information</i>	2	28	4	68	
20	LIB6034	Quản trị nhân lực thông tin – thư viện <i>Human resources management in library and information</i>	2	28	4	68	
21	LIB6072	Người dùng tin trong môi trường số <i>Information user in digital age</i>	2	28	4	68	
22	LIB6020	Hệ thống thông tin giáo dục và đào tạo <i>Education and Training information system</i>	2	28	4	68	
23	LIB6138	Hệ thống thông tin khoa học xã hội và văn hóa nghệ thuật	2	28	4	68	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Social Science and Culture & Art Information System</i>					
24	LIB6041	Truyền thông đa phương tiện trong thông tin - thư viện <i>Multimedia Communication in Information and Library Activities</i>	2	28	4	68	
25	LIB6035	Thư viện số và công nghệ nội dung <i>Digital libraries and Content technology</i>	3	40	10	100	
26	LIB6066	Đánh giá năng lực số <i>Digital Literacy Assessment</i>	2	28	4	68	
27	LIB6067	Tài nguyên giáo dục mở <i>Open Educational Resources</i>	2	28	4	68	
III	Nghiên cứu khoa học		24				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		12				
28	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
29	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
30	LIB6068	Tổng quan tình hình nghiên cứu <i>Literature Review</i>	4	30	15	155	
III.2	Luận văn thạc sĩ		12				
31	LIB7202	Luận văn thạc sĩ <i>Thesis</i>	12	0	0	600	
Tổng cộng			60				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá